

Bản án số: 71/2019/HNGĐ-ST

Ngày 04 tháng 10 năm 2019

V/v “Ly hôn”.

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thanh Hảo;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trịnh Văn Nhất
2. Bà Thân Thị Tuyết Nhung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:** Bà Chu Ngọc Linh - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 308/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2019 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh Thân Văn S, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

**2. Bị đơn:** Chị Trịnh Thị C, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2019, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là anh Thân Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trịnh Thị C đăng ký kết hôn vào ngày 11/10/2018 tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng anh có được tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Trước khi kết hôn vợ chồng có được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về

chung sống với nhau ngay tại gia đình anh ở xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Đến đầu tháng 7 năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị C có đạo đức không tốt, hay trộm cắp, đã nhiều lần trộm cắp tài sản của bố mẹ anh, gia đình anh và anh có khuyên bảo nhưng vẫn chứng nào tật ấy, vừa qua chị C còn trộm cắp tài sản tại công ty nơi chị C làm việc và bị cơ quan công an khởi tố. Anh và gia đình, họ hàng anh không thể chấp nhận một người vợ như vậy. Do đó vợ chồng anh bất đồng về quan điểm sống và xảy ra cãi cọ, xích mích nhau dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng trở nên trầm trọng, chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Sòi, xã Đ, thành phố B sống từ cuối tháng 7 năm 2019 đến nay. Hiện vợ chồng anh đã ly thân. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị C.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh S trình bày: Từ khi vợ chồng ly thân đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C.

***\* Tài liệu chứng cứ thu thập được:***

+ Tại biên bản xác minh ngày 07/8/2019 ông Thân Văn S là trưởng thôn S, xã Đ cung cấp: Chị Trịnh Thị C có hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Chị C lấy chồng cuối năm 2018 và chuyển về nhà chồng sinh sống. Tuy nhiên không biết vợ chồng mâu thuẫn như thế nào mà chị C lại về nhà mẹ đẻ sống từ đầu tháng 8/2019 và hiện đang cư trú ở địa phương.

+ Tại biên bản xác minh ngày 27/8/2019 ông Thân Văn S là bố đẻ anh S cung cấp: Năm 2018 chị C kết hôn với anh Thân Văn S và về chung sống với gia đình ông tại thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng anh S, chị C phát sinh từ tháng 7 năm 2019, nguyên nhân mâu thuẫn do chị C có hành vi trộm cắp tài sản, không trung thực, đã nhiều lần lấy tiền của gia đình ông, chị C đã hứa nhưng không thay đổi, gia đình ông không chấp nhận một người con dâu như vậy. Khoảng 1 tháng trước chị C đã có hành vi trộm cắp tài sản ở công ty nơi chị C làm việc và bị bắt giữ, sau đó được cho tại ngoại và chị C đã chuyển về nhà mẹ đẻ sống từ đầu tháng 8 năm 2019, vợ chồng anh S, chị C đã ly thân từ thời

gian đó đến nay. Nay anh S yêu cầu ly hôn chị C ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

+ Tại biên bản xác minh ngày 04/9/2019 bà Dương Thị L là mẹ đẻ chị C cung cấp: Chị C kết hôn với anh S ngày 11/10/2018 và về chung sống với gia đình anh S ngay, cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh từ tháng 7 năm 2019, nguyên nhân do chị C có hành vi vi phạm pháp luật nên anh S và gia đình anh S không chấp nhận chị C làm vợ, làm dâu nữa. Chị C đã về ở cùng gia đình bà từ cuối tháng 7 năm 2019 và vợ chồng ly thân từ thời gian đó đến nay. Về việc anh S xin ly hôn chị C có biết và không muốn ly hôn, tuy nhiên chị C nghĩ có níu kéo, hòa giải cũng không có kết quả nên chị C không đến Tòa án làm việc và hòa giải. Về việc anh S yêu cầu ly hôn chị C bà không có ý kiến gì để cho vợ chồng tự giải quyết.

- Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo hòa giải và các văn bản giấy tờ khác cho chị C theo quy định pháp luật nhưng chị C không đến Tòa án để cung cấp quan điểm và hòa giải.

- Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị C vắng mặt không có lý do, anh S đề nghị Tòa án không hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

- Ngày 20/9/2019 Tòa án đã mở phiên tòa nhưng chị Trịnh Thị C vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã phải hoãn phiên tòa.

- Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là chị Trịnh Thị C đã được triệu tập họp lệ nhưng tiếp tục vắng mặt không có lý do.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thân Văn S và xử cho anh S được ly hôn chị Trịnh Thị C. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Anh S xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Anh Thân Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị Trịnh Thị C đã được Tòa án triệu tập tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt chị C theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Thân Văn S và chị Trịnh Thị C kết hôn ngày 11/10/2008 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa anh S và chị C là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên sau khi kết hôn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị C có đạo đức không tốt, hay trộm cắp, đã nhiều lần trộm cắp tài sản của bố mẹ anh, gia đình anh và anh có khuyên bảo nhưng vẫn chứng nào tật ấy. Đến tháng 7 năm 2019 chị C lại có hành vi trộm cắp tài sản nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị C đã về nhà mẹ đẻ sống từ đầu tháng 8 năm 2019 vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng chị C không có mặt để tham gia hòa giải và không có mặt để tham gia các phiên tòa xét xử. Như vậy, xác định chị C không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thân Văn S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh S xác định không có và không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và theo điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều a khoản 1 điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**2. Xử:**

2.1. Về quan hệ vợ chồng: Anh Thân Văn S được ly hôn chị Trịnh Thị C.

2.2. Về án phí: Anh Thân Văn S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh S đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000555 ngày 01/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3. Về quyền kháng cáo: Anh S có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị C vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND TPB,
- CCTHADS TP. B,
- UBND xã T, huyện Y,
- Tỉnh Bắc Giang.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Thị Thanh Hảo**